

KINH TẾ THỊ TRƯỜNG KHÔNG PHẢI LÀ SẢN PHẨM RIÊNG CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

ThS PHAN VĂN NHUNG
Học viện Chính trị khu vực IV

1. Về mô hình nền kinh tế thị trường tự do “Bàn tay vô hình” (1776 - 1929)

Mô hình này trải qua nhiều phương thức sản xuất, phát triển qua nhiều nấc thang từ thấp đến cao. Xét về lịch sử, loài người bắt đầu từ nền sản xuất tự túc, tự cấp (tự cung, tự cấp), nền sản xuất này sản phẩm làm ra chủ yếu phục vụ cho bản thân và gia đình của người sản xuất. Về sau sản phẩm có dư thừa đôi chút người ta đem trao đổi cho nhau dưới hình thức vật đổi với vật, như 1 con gà đổi 5 trái bầu; 1m vải đổi 20kg lúa... những sản phẩm đem trao đổi chính là hàng hóa. Đến đây, ta thấy hàng hóa đã xuất hiện, nhưng chưa có sản xuất hàng hóa. Dần về sau người ta thấy rằng, mỗi người tập trung sản xuất ra một vài sản phẩm mà mình có lợi thế (thỏ nhưỡng, tài nguyên, nguyên liệu, kinh nghiệm...), rồi đem đổi lấy những sản phẩm mình cần, giai đoạn này được coi là sản xuất hàng hóa ra đời. Càng về sau, người ta càng tập trung sâu vào sản xuất ra những sản phẩm mà mình có lợi thế, mục đích của sản xuất lúc này là để trao đổi, để bán... nhằm kiếm lời (thu lợi nhuận). Lúc này đại bộ phận sản phẩm làm ra là để bán, nên giai đoạn này được coi là đánh dấu sự ra đời của kinh tế hàng hóa. Kinh tế thị trường (KTTT) là giai đoạn tiếp theo của kinh tế hàng hóa.

Kinh tế thị trường là nền kinh tế hàng hóa phát triển ở trình độ cao, ở đó mọi hoạt động đều hướng ra thị trường.

Thị trường là quá trình mà ở đó người bán và người mua tác động qua lại với nhau để xác định 3 vấn đề: (1) chủng loại hàng hóa, (2) số lượng hàng hóa (3) giá cả của số hàng hóa đó.

Từ quan niệm về thị trường và kinh tế thị trường như trên ta thấy rằng, kinh tế thị trường nó đòi hỏi tất cả các yếu tố đầu vào (tư liệu sản xuất và sức lao động) và đầu ra (hàng hóa) của sản xuất đều phải thông qua thị trường. Nói cách khác *kinh tế thị trường là nền kinh tế mà tất cả các yếu tố đầu vào và đầu ra của sản xuất phải thông qua mua - bán trên thị trường* (Nhà nước không được hỗ trợ, trợ cấp, bao cấp... về giá). Nếu Nhà nước hỗ trợ về giá sẽ bóp méo thị trường, sai lệch trong cạnh tranh, cạnh tranh không công bằng, không sòng phẳng... WTO không chấp nhận sự hỗ trợ này. Chính vì vậy mà hiện nay, một số nước tuy là thành viên của WTO nhưng vẫn chưa được WTO công nhận có nền KTTT, trong đó có Việt Nam. Vì nhiều lý do khác nhau mà những nước này Nhà nước còn hỗ trợ, trợ cấp, bao cấp... về giá các yếu tố đầu vào của sản xuất như giá than, giá điện, xăng dầu...

Như vậy, kinh tế thị trường là nền kinh tế mà tất cả các yếu tố đầu vào và đầu ra của sản xuất phải thông qua mua - bán sòng phẳng trên thị trường. Nền kinh tế này chủ yếu do các quy luật của thị trường như quy luật giá trị; quy luật cung - cầu; quy luật cạnh tranh; quy luật lưu thông tiền tệ; tính quy luật tâm lý... điều tiết, còn Nhà nước không tham gia (hoặc tham gia rất ít) vào quá trình quản lý nền kinh tế, nên nền KTTT này được gọi là mô hình “Nền KTTT tự do”. Nền kinh tế chỉ do các quy luật chi phối mà không có sự quản lý của Nhà nước, nên còn có tên gọi khác là mô hình nền kinh tế “bàn tay vô hình”, hay mô hình “thị trường tối đa - Nhà nước tối thiểu”.

Sự ra đời của mô hình nền KTTT tự do được đánh dấu từ *Tuyên ngôn độc lập* của nước Mỹ 1776

và đánh dấu sự kết thúc từ cuộc khủng hoảng kinh tế (khủng hoảng thừa) thế giới (1929 - 1933), đây là cuộc khủng hoảng kinh tế tồi tệ nhất của nhân loại từ trước tới nay.

Trải qua 153 năm tồn tại và phát triển, mô hình nền KTTT tự do đã chứng tỏ sức sống mãnh liệt của mình, tạo ra sức sản xuất xã hội rất cao, cải thiện và nâng cao rõ rệt mức sống của dân cư, đặc biệt là đã tạo khối lượng hàng hóa khổng lồ (bằng tất cả các xã hội trước đó cộng lại) cho xã hội. Tuy nhiên, do mô hình này chỉ do các quy luật của thị trường điều tiết và chi phối, mà không có sự quản lý, sự điều tiết từ phía của Nhà nước bằng các kế hoạch, công cụ, chính sách... nên thường xuyên xảy ra khủng hoảng kinh tế (thừa hoặc thiếu).

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) cho thấy, mô hình nền KTTT tự do đã hết vai trò lịch sử, hay nói cách khác, mô hình kinh tế này không còn phù hợp trong điều kiện kinh tế thế giới đã phát triển lên trình độ cao hơn trước. Vì vậy, người ta nghĩ đến việc đi tìm mô hình nền kinh tế mới tốt hơn, phù hợp với điều kiện của kinh tế thế giới đã thay đổi lúc bấy giờ. Trong khi đó thế giới đã xuất hiện mô hình kinh tế mới, trái ngược 180 độ với mô hình nền KTTT tự do, đó là mô hình nền kinh tế chỉ huy.

2. Về mô hình nền kinh tế chỉ huy “Bàn tay hữu hình” (1917- 1991)

Với sự thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, lịch sử đã mở ra một con đường mới cho sự nghiệp giải phóng các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Nó đã mở ra một thời đại mới trong lịch sử - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Mô hình chủ nghĩa xã hội của nước Nga ra đời trong bối cảnh hết sức đặc biệt: từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga đến kết thúc chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô là nước xã hội chủ nghĩa duy nhất. Nước Nga trước Cách mạng Tháng Mười so với các nước phát triển khác bị lạc hậu từ 50 năm đến 100 năm. Khi bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, thu nhập quốc dân tính theo đầu người chỉ bằng 1/22 của Mỹ cùng thời. Nền kinh tế vốn đã lạc hậu lại bị tàn phá nặng nề trong chiến tranh thế giới thứ nhất, sau đó là nội chiến, tiếp đó là chiến tranh can thiệp của 14

nước đế quốc và bị bao vây, cấm vận về kinh tế nước Nga. Từ năm 1918 đến đầu năm 1921, để đảm bảo cung cấp lương thực cho quân đội, cho tiền tuyến, công nhân và nhân dân thành thị trong điều kiện lương thực cực kỳ khan hiếm, Đảng Cộng sản Nga, đứng đầu là Lênin đã đề ra chính sách cộng sản thời chiến (nền kinh tế chỉ huy), tiến hành quốc hữu hóa tài sản, tư liệu sản xuất quan trọng nhất của thành phần tư sản ngoại bản, tư sản bản dân tộc, đại địa chủ và các thế lực chống phá cách mạng khác... Đến tháng 3 - 1921, sau khi nội chiến kết thúc, tại Đại hội X Đảng Cộng sản Nga với việc đề ra *Chính sách kinh tế mới* (NEP), Lênin đã chỉ rõ trong những điều kiện mới, việc sử dụng những hình thức quá độ như chủ nghĩa tư bản - Nhà nước là một bộ phận rất quan trọng của chính sách này. Thời kỳ thực hiện Chính sách cộng sản thời chiến đã kết thúc, với việc thực thi NEP thì chủ nghĩa tư bản - Nhà nước là một trong những hình thức rất thích hợp để giúp nước Nga nhanh chóng khắc phục tình trạng suy yếu kinh tế sau chiến tranh. Đường lối đó được thực hiện chưa được bao lâu thì từ cuối những năm 20, đầu những năm 30 của thế kỷ XX, dấu hiệu của một cuộc chiến tranh thế giới ngày càng lộ rõ. Trong bối cảnh ấy phải làm sao nhanh chóng biến nước Nga lạc hậu thành cường quốc công nghiệp, vừa để xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, xóa bỏ nghèo nàn lạc hậu, vừa để chuẩn bị đối phó với nguy cơ chiến tranh sắp xảy ra. Giải quyết nhiệm vụ này trong một thời gian ngắn nhất là vấn đề sống còn đối với vận mệnh của Tổ quốc và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước Nga còn non trẻ lúc này. Và như vậy, Nhà nước Nga không thể không quay lại áp dụng chính sách cộng sản thời chiến (nền kinh tế chỉ huy), trọng tâm của chính sách này là thực hiện cơ chế kế hoạch hóa tập trung cao độ trong quản lý nền kinh tế. Cơ chế này Nhà nước chỉ huy, Nhà nước can thiệp sâu vào nền kinh tế, không tuân thủ hoặc tuân thủ rất ít các quy luật của thị trường nên còn gọi là mô hình nền kinh tế “bàn tay hữu hình”, hay mô hình “Nhà nước tối đa - thị trường tối thiểu”. Việc Nhà nước chỉ huy, Nhà nước điều khiển nền kinh tế thông qua xây dựng các xí nghiệp quốc doanh (doanh nghiệp nhà nước), nông, lâm trường quốc doanh, các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất... sản xuất theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước

giao, sản phẩm làm ra nộp hết về cho Nhà nước, riêng sản phẩm lương thực của các nông, lâm trường quốc doanh, các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất... làm ra thì để lại đủ cho xã viên, người già, trẻ em ăn, phần còn lại nộp hết cho Nhà nước dưới hình thức Nhà nước trung thu, trung mua (dưới giá thành sản xuất), sau đó Nhà nước phân phối lại các sản phẩm này lại cho các tầng lớp dân cư trong xã hội với giá rất thấp (thấp hơn nhiều lần giá Nhà nước trung thu, trung mua), cơ chế phân phối này còn gọi là “cơ chế bao cấp”. Với cách làm này mọi nguồn lực của xã hội được tập trung cao độ vào Nhà nước, đồng thời, thanh niên sẵn sàng gia nhập quân đội để bảo vệ Tổ quốc (vì cha mẹ già, con nhỏ có Nhà nước lo). Mô hình kinh tế này, Nhà nước kiểm soát toàn bộ các yếu tố sản xuất và giữ quyền phân phối về thu nhập (để bảo đảm tính xã hội). Mô hình này đặc biệt có ưu thế trong điều kiện đất nước có chiến tranh, vì có thể huy động tối đa các nguồn lực kinh tế, có tính thống nhất cao về hệ tư tưởng, ý chí để tập trung chiến đấu, sản xuất. Chính nhờ mô hình nền kinh tế chỉ huy (Chính sách Cộng sản thời chiến) này mà mọi nguồn lực tập trung cao độ vào Nhà nước nên Hồng quân Liên Xô mới có đủ vũ khí, khí tài và nhân lực để chiến thắng phát xít Đức trong chiến tranh thế giới lần thứ II và Việt Nam sớm thắng Mỹ (mô hình này hiện đang áp dụng tại Cuba, Triều Tiên...). Sự kiện Hồng quân Liên Xô chiến thắng phát xít Đức, cũng chính là mô hình nền kinh tế chỉ huy chiến thắng mô hình nền KTTT tự do. Vì vậy, sau chiến tranh thế giới lần thứ II, các nước đang thực hiện mô hình KTTT tự do bắt đầu có sự điều chỉnh nhất định mô hình nền kinh tế theo hướng nền kinh tế chỉ huy, như xây dựng các doanh nghiệp nhà nước (công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường). Như vậy, đến đây ta thấy mô hình nền KTTT tự do không còn nguyên bản, mà đã có sự “lại” mô hình nền kinh tế chỉ huy (sử dụng các doanh nghiệp nhà nước làm công cụ quản lý nền kinh tế thị trường) ở mức độ nhất định.

Mô hình nền kinh tế chỉ huy hay *Chính sách Cộng sản thời chiến*, chỉ phù hợp và phát huy hiệu quả trong điều kiện đất nước có chiến tranh. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu (Việt Nam 1975 - 1986) vẫn tiếp tục duy trì mô hình này. Thời gian đầu, cơ chế kế hoạch

hóa tập trung đã phát huy tác dụng mạnh mẽ, song về sau đã biến dạng thành kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp. Những hạn chế về quan liêu bao cấp, đã triệt tiêu sáng tạo, cạnh tranh, làm cho mô hình này không có sức sống trong thời bình.

Trong điều kiện đất nước hòa bình cần phát huy yếu tố cá nhân, tính chủ động sáng tạo của mỗi con người, khai thác tối đa các nguồn nhân lực của đất nước. Trong khi mô hình này đã tuyệt đối hóa cơ chế kế hoạch hóa tập trung cao, từ bỏ hay gần như từ bỏ một cách chủ quan duy ý chí nền kinh tế hàng hóa, cơ chế thị trường, thực hiện chế độ bao cấp tràn lan, triệt tiêu tính chủ động, sáng tạo của người lao động; lợi ích cá nhân không được coi trọng... tất cả các đơn vị sản xuất kinh doanh đều trông chờ vào chỉ tiêu kế hoạch (số lượng sản phẩm phải sản xuất) của Nhà nước giao, khi có chỉ tiêu kế hoạch được giao các đơn vị tiến hành sản xuất và khi hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch thì nộp sản phẩm về địa chỉ theo quy định của Nhà nước là xong, đôi khi có những đơn vị hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch ở quý II hoặc quý III nhưng vẫn phải chờ sang năm tới mới có chỉ tiêu kế hoạch để sản xuất tiếp. Mô hình này chỉ thừa nhận 2 thành phần kinh tế là quốc doanh và tập thể, không thừa nhận thị trường là thống nhất mà phân thị trường thành 2 loại: thị trường chính thức và thị trường chợ đen. Nhà nước chỉ thừa nhận thị trường chính thức (quốc doanh và tập thể tham gia), không thừa nhận thị trường chợ đen (các thành phần kinh tế còn lại, nòng cốt là kinh tế tư nhân và cá thể tham gia). Sản phẩm của kinh tế tư nhân, cá thể làm ra buộc phải bán cho Nhà nước với hình thức trung thu, trung mua (dưới giá thành sản xuất), vì vậy càng sản xuất càng lỗ. Nếu không bán cho Nhà nước thì chỉ bán ở thị trường “chợ đen”, mà thị trường này Nhà nước không thừa nhận, Nhà nước cấm không cho người dân tham gia thị trường “chợ đen”, ai tham gia thì được coi là không yêu nước, là tiếp tay với tư sản và sẽ “tự phát” đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Rõ ràng mô hình này không khai thác và phát huy hết nguồn lực của đất nước, con người không có cơ hội phát huy năng lực bản thân, tính chủ động sáng tạo của cá nhân không được khai thác... tất cả trông chờ vào sự phân phối sản phẩm từ Nhà nước (giá bán thấp hơn nhiều lần giá Nhà nước trung thu, trung mua). Rõ ràng cách làm này làm triệt tiêu

động lực sản xuất, nên xã hội ngày càng thiếu sản phẩm. Cách làm này người ta còn gọi là cơ chế “mua như giặt, bán như cho”.

Việc chỉ thừa nhận chỉ 2 thành phần kinh tế quốc doanh và tập thể, không khai thác hết các nguồn lực của đất nước, nguồn lực con người không được phát huy, không giải quyết hài hòa giữa lợi ích cá nhân và tập thể; cá nhân và xã hội, xem nhẹ hoặc không quan tâm lợi ích cá nhân cũng làm cho kinh tế quốc doanh và tập thể thiếu động lực phát triển, làm cho nền kinh tế bị xơ cứng... Tất cả đều trông chờ vào sự phân phối sản phẩm từ Nhà nước, trong khi đó kinh tế quốc doanh và tập thể không đủ sức cung cấp sản phẩm cho xã hội, từ đó xã hội ngày càng thiếu sản phẩm, đời sống người dân gặp nhiều khó khăn... đây chính là cái thất bại của mô hình nền kinh tế chỉ huy hay còn gọi là *Chính sách Cộng sản thời chiến*. Nguyên nhân của thất bại là mô hình này chỉ phù hợp trong điều kiện đất nước có chiến tranh hoặc thiên tai, dịch bệnh... chứ không phù hợp trong điều kiện đất nước thời bình. Vì vậy, Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu (Việt Nam 1975 - 1986) áp dụng mô hình này trong điều kiện đất nước hòa bình nên kém hiệu quả. Bắt đầu từ cuối những năm 60 của thế kỷ XX, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đi vào thời kỳ khủng hoảng. Từ tháng 4 - 1989 trở đi, sự đổ vỡ diễn ra liên tiếp ở các nước Đông Âu. Chỉ trong vòng 2 năm, đến tháng 9 năm 1991, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu đã sụp đổ hoàn toàn¹.

Chính sự thất bại của mô hình nền kinh tế thứ hai là nền kinh tế chỉ huy này bắt buộc người ta nghĩ đến phải đi tìm một mô hình kinh tế mới, tốt hơn 2 mô hình kinh tế trên và cuối cùng Paul Anthony Samuelson đã đưa ra mô hình nền kinh tế thứ ba, đó là mô hình nền kinh tế hỗn hợp.

3. Về mô hình nền kinh tế hỗn hợp (Hai bàn tay)

Vào cuối những năm 60 của thế kỷ XX Paul Anthony Samuelson (1915 - 2009) nhà kinh tế học người Mỹ, đã nhìn thấy mô hình nền kinh tế chỉ huy càng về sau càng bộc lộ những nhược điểm vốn có của nó. Ông cho rằng, mô hình kinh tế này hiện không còn tối ưu nữa, nhưng nó vẫn có những ưu điểm nhất định nó mới tồn tại thời gian dài như thế, đặc biệt là trong điều kiện đất nước có chiến tranh

(1917- 1945) tỏ ra rất hiệu quả (Hồng quân Liên Xô chiến thắng phát xít Đức), nhưng lại kém hiệu quả trong điều kiện đất nước hòa bình. Đồng thời, ông cũng xem xét lại mô hình nền KTTT tự do (1776 - 1929) và cũng thấy mô hình này cũng có những ưu điểm nhất định mới có lý do tồn tại 153 năm.

Từ đó ông bóc tách lấy những ưu điểm của mô hình nền KTTT tự do (*Bàn tay vô hình*) là phát huy tối đa các quy luật của thị trường như quy luật giá trị, quy luật cung - cầu, quy luật cạnh tranh, quy luật lưu thông tiền tệ, tính quy luật tâm lý... và những ưu điểm của mô hình nền kinh tế chỉ huy (*Bàn tay hữu hình*) là phát huy vai trò quản lý của Nhà nước trong quản lý nền kinh tế, để hình thành mô hình nền kinh tế thứ ba là nền kinh tế hỗn hợp, tức mô hình “KTTT có sự quản lý của Nhà nước” hay còn gọi là mô hình nền kinh tế hai bàn tay (*bàn tay hữu hình và bàn tay vô hình*). Từ khi ra đời mô hình nền kinh tế hỗn hợp đã tỏ ra rất hiệu quả và đến nay hầu hết các nước phát triển trên thế giới đều áp dụng mô hình kinh tế này, trừ một số nước như Cuba, Triều Tiên... do bị cấm vận nên buộc phải thực hiện mô hình nền kinh tế chỉ huy, tuy vậy những nước này hiện cũng từng bước chuyển sang nền kinh tế hỗn hợp.

4. Kết luận

Như vậy, hiện nay khi nói phát triển KTTT thì chắc chắn không phải là phát triển mô hình nền KTTT tự do, mà chính là cách nói tắt của phát triển nền kinh tế hỗn hợp, tức phát triển mô hình “KTTT có sự quản lý của Nhà nước”. Riêng một số nước lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội như Trung Quốc, Việt Nam hiện cũng sử dụng mô hình nền kinh tế hỗn hợp, đồng thời có định hướng phát triển riêng cho mình. Mô hình kinh tế của Trung Quốc “KTTT có sự quản lý của Nhà nước - XHCN”; mô hình kinh tế của Việt Nam “KTTT có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN”, đây là cách nói đầy đủ. Trên thực tế, đôi khi người ta nói tắt về mô hình kinh tế của Việt Nam là “KTTT định hướng XHCN”.

Đến đây ta thấy khi nói KTTT (cách nói tắt của nền kinh tế hỗn hợp) không phải là sản phẩm riêng của CNTB hay của bất cứ chế độ xã hội nào, mà là sản phẩm của nền văn minh nhân loại, nó trải qua nhiều phương thức sản xuất, phát triển qua nhiều

Xem tiếp trang 10

đồng bộ, có hiệu quả quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng, bảo đảm đúng pháp luật. Thực hiện quyết liệt, nghiêm minh, có hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Khẩn trương xây dựng cơ chế phòng ngừa, cơ chế răn đe để kiểm soát tham nhũng. Thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tiếp tục thực hiện chặt chẽ, hiệu quả về kê khai, kiểm soát kê khai tài sản, thu nhập của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo các cấp. Nâng cao vai trò, phát huy tính tích cực, chủ động và phối hợp của Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, nhân dân, doanh nghiệp, báo chí trong phát hiện, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Có cơ chế khuyến khích và bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng, lãng phí. Nâng cao hiệu quả công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, làm tốt chức năng hỗ trợ, thúc đẩy phát triển. Không hình sự hóa các mối quan hệ kinh tế, hành chính, dân sự”²⁵. Ngoài ra các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương cần phải tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng, chống tham nhũng gắn với việc tuyên truyền thực hiện Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng về phòng, chống tham nhũng, như Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 7-12-2015 của Bộ Chính trị (khóa XI) “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng”; Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” và Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) “Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo

đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”; Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (Luật số: 36/2018/QH14); Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị (khóa XII) “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11-7-2023 của Bộ Chính trị (khóa XIII) “Về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ”.

1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13. *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb CTQG - ST, H, 2011, t. 1, tr. 19; t. 2, tr. 75 - 80; t. 7, tr. 361; t.7, tr. 355 - 356 - 357; t. 7, tr. 296 - 297; t. 4, tr. 65; t. 7, tr. 217, 345; t. 13, tr. 90; t. 14, tr. 141; t.7, tr. 357 - 358; t. 15, tr. 547; t. 6, tr. 127; t. 7, tr. 358.

14. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb CTQG - ST, H, tr. 103.

15. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb CTQG - ST, H, 1996, tr. 46, 166.

16. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb CTQG - ST, H, 2001, tr. 135, 136, 137.

17. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb CTQG - ST, H, 2006, tr. 128, 286, 287, 289.

18. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG - ST, H, 2011, tr. 55

19, 20. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, H, 2016, tr. 185.

21. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, H, 2016, tr. 22

22, 23, 24, 25. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQG - ST, H.2021, t. 2, tr. 76, 78, 80; t. 1, tr. 92 - 93; tr. 288; t. 2, tr. 145 - 146.

KINH TẾ THỊ TRƯỜNG KHÔNG PHẢI LÀ SẢN PHẨM RIÊNG...

Tiếp theo trang 30

nấc thang từ thấp đến cao, phản ánh trình độ phát triển của nền văn minh nhân loại. Việt Nam sử dụng KTTT làm phương tiện để phục vụ cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh và đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, chứ không phải đi theo con đường TBCN như nhiều người ngộ nhận.

1. Cần thấy rằng, sự sụp đổ của Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu (1991) không phải là sự sụp đổ của

CNXH, mà là sự sụp đổ của một mô hình của chủ nghĩa xã hội trong quá trình đi tới mục tiêu xã hội chủ nghĩa; là sự sụp đổ của mô hình kinh tế không phù hợp, do duy trì quá lâu (1945 - 1991) mô nền kinh tế chỉ huy trọng tâm là thực hiện cơ chế kế hoạch hóa tập trung cao độ trong điều kiện đất nước hòa bình. Nó không đồng nghĩa với sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội với tư cách là một hình thái kinh tế - xã hội mà loài người đang vươn tới. Tương lai của xã hội loài người vẫn là chủ nghĩa xã hội, đó là quy luật khách quan của sự phát triển lịch sử.